

ONLINE

[VI] Lớp học tiếng Nhật đầu tiên dành cho cư dân tỉnh Chiba

オンライン

はじめての にほんご in ちば

ZOOM



ていいん にん せんちゃくじゅん
定員：20人(先着順)
20 chō
*Ưu tiên người đến trước

べんきょう ひと
はじめて勉強する人
Dành cho người mới
bắt đầu

ちばけんざいじゅうしゃ
千葉県在住者のみ
Chỉ dành cho cư dân
tỉnh Chiba

むりょう
無料 (¥0)
Miễn phí (0 yên)

にちじ
日時 / Lịch trình

がつ にち がつ にち かい
11月28日～1月30日 (24回)

げつようび すいようび きんようび ごぜん
月曜日・水曜日・金曜日 / 午前 10:00-11:30

28 tháng 11 – 30 tháng 1 (24 lần)

Thứ Hai, Thứ Tư, Thứ Sáu / 10:00-11:30

もうしこみ
申込
Đăng ký



<https://forms.office.com/r/81HjTuA6wf>

- **2025年11月14日までに、上のQRコードから申し込んでください。**
Nộp đơn trước ngày 14 tháng 11 năm 2025 bằng mã QR ở trên.
- **2025年11月21日に、レベルチェックテストがあります。**
Bài kiểm tra trình độ / bài kiểm tra xếp lớp vào ngày 21 tháng 11 năm 2025.
- **千葉県に住んでいる人（16歳以上）が申込できます。**
Bất kỳ ai từ 16 tuổi trở lên đang sống tại tỉnh Chiba đều có thể đăng ký.
- **近くに日本語教室がないひとを優先します。**
Ưu tiên những người không có lớp học tiếng Nhật gần đó.
- **電子メールアドレス・インターネット接続が必要です。**
Yêu cầu địa chỉ email và kết nối internet.
- **料理、書道体験イベント（いずれも託児あり）もあります。**
Các sự kiện thực tế với dịch vụ chăm sóc trẻ em; nấu ăn và thư pháp Nhật Bản.

しつもん
質問 / Yêu cầu
質問 / thông tin

にほんこくさいきょうりょくせんたー げつようび きんようび
日本国際協力センター（月曜日～金曜日：10:00-16:00）
Trung tâm Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
TEL : 03-6838-2738 / FAX : 03-6838-2721
Email : courses@jice.org



文部科学省

主催：千葉県 / Tỉnh Chiba

運営：(公財)ちば国際コンベンションビューロー、(一財)日本国際協力センター

Văn phòng Hội nghị và Trung tâm Quốc tế Chiba / Trung tâm Hợp tác Quốc tế Nhật Bản

令和7年度文部科学省「地域日本語教育の総合的な体制づくり推進事業」活用

スケジュール・ばしょ（10:00 - 11:30）

Lịch trình và địa điểm

	ひづけ	Ngày	Tuần	ないよう/Chủ đề	ばしょ/Địa điểm
0	11/21(金)	21 tháng 11	Thứ Sáu	レベルチェックテスト Kiểm tra cấp độ / Vị trí Bài kiểm tra	オンライン Zoom 直播 tuyến
1	11/28 (金)	28 tháng 11	Thứ Sáu	じこしょうかいを しましょう。 Tự giới thiệu	オンライン Zoom 直播 tuyến 
2	12/1 (月)	1 tháng 12	Thứ hai	あいさつを しましょう。 Tự ngữ chào hỏi	
3	12/3 (水)	3 tháng 12	Thứ tư	きょうしつの ことばを はなしましょう。 Cách diễn đạt trong lớp học	
4	12/5 (金)	5 tháng 12	Thứ Sáu	かずを かぞえましょう。 Tự ngữ biểu thị số	
5	12/8 (月)	8 tháng 12	Thứ hai	じかんについてはなしましょう。 Tự ngữ biểu thị thời gian	
6	12/10 (水)	10 tháng 12	Thứ tư	いちにちのこうどうをはなしましょう。 Tự ngữ dùng trong hoạt động hàng ngày	
7	12/12 (金)	12 tháng 12	Thứ Sáu	かれんだーをよみましょう。 Tự ngữ dùng trong lịch	
8	12/15 (月)	15 tháng 12	Thứ hai	ひづけについてはなしましょう。 Tự ngữ biểu thị ngày tháng	
9	12/17 (水)	17 tháng 12	Thứ tư	たべものはなしをしましょう。 Tự ngữ biểu thị thực phẩm	
10	12/19 (金)	19 tháng 12	Thứ Sáu	<イベント>しょうをしましょう <Sự kiện> Trải nghiệm thư pháp Nhật Bản	①
11	12/22 (月)	22 tháng 12	Thứ hai	ばしょのはなしをしましょう。 Tự ngữ liên quan đến địa điểm	オンライン Zoom 直播 tuyến 
12	12/24 (水)	24 tháng 12	Thứ tư	みちじゅんのはなしをしましょう。 Tự ngữ liên quan đến phương hướng	
13	12/26 (金)	26 tháng 12	Thứ Sáu	りょうりのはなしをしましょう。 Tự ngữ dùng trong nấu ăn	
14	1/5 (月)	5 tháng 1	Thứ hai	<イベント>りょうりを しましょう。 <Sự kiện> Cùng nấu ăn nào.	②
15	1/7 (水)	7 tháng 1	Thứ tư	かいものことばをはなしましょう。 Tự ngữ dùng trong mua sắm	オンライン Zoom 直播 tuyến 
16	1/9 (金)	9 tháng 1	Thứ Sáu	すきなことを はなしましょう。 Tự ngữ chỉ những món ăn yêu thích của bạn	
17	1/14 (水)	14 tháng 1	Thứ tư	えいようのはなしをしましょう。 Tự ngữ liên quan đến dinh dưỡng	
18	1/16 (金)	16 tháng 1	Thứ Sáu	からだのはなしをしましょう。 Tự ngữ liên quan đến các bộ phận cơ thể	
19	1/19 (月)	19 tháng 1	Thứ hai	びょうきのはなしをしましょう。 Tự ngữ diễn đạt tình trạng	
20	1/21 (水)	21 tháng 1	Thứ tư	さいがいについてはなしましょう。 Tự ngữ liên quan đến thiên tai	
21	1/23 (金)	23 tháng 1	Thứ Sáu	ひなんについて はなしましょう。 Tự ngữ liên quan đến sơ tán	
22	1/26 (月)	26 tháng 1	Thứ hai	きもちを はなしてみましょう。 Tự ngữ thể hiện cảm xúc	
23	1/28 (水)	28 tháng 1	Thứ tư	すぴーちを れんしゅうしましょう。 Luyện nói	
24	1/30 (金)	30 tháng 1	Thứ Sáu	<イベント> はっぴょうしましょう。 <Sự kiện> Cùng phát biểu nào.	① & 

まくはりとう かい

① 幕張テクノガーデン D棟14階

Văn phòng Hội nghị và Trung tâm Quốc tế Chiba,
Tầng 14, Tòa nhà Makuhari Techno-Garden D.



ちばししょうがいがくしゅうかい ちょうりしつ

② 千葉市生涯学習センター 3階 調理室

Trung tâm Học tập Suốt đời Thành phố
Chiba,
Tầng 3 (Chori-Shitsu)

